

*mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh";*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

**Điều 2.** Định mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là căn cứ để xây dựng đơn giá, lập dự toán cho các dự án, công trình bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Tổ chức, cá nhân xây dựng đơn giá, lập dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA -  
THÔNG TIN

**Phạm Quang Nghị**

## **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**QUYẾT ĐỊNH** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số **316/2004/QĐ-NHNN** ngày **31/3/2004** về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số **1087/2003/QĐ-NHNN** ngày **17/9/2003** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### **THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng:

**1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 2.** Quy định này được áp dụng cho các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc, các tổ chức tín dụng (dưới đây gọi tắt là đơn vị trong Ngành), cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Ngân hàng, tổ chức và cá nhân có liên quan”.

**2. Điều 4 khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Khoản 1.** Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng ở độ Tuyệt mật, Tối mật, ghi cụ thể số lượng in, sao, chụp. Thống đốc ủy quyền việc quyết định in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng ở độ Mật cho Thủ trưởng đơn vị trong Ngành, nơi trực tiếp quản lý tài liệu, vật mang bí mật đó”.

**3. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 14.** Lập danh mục, thay đổi độ

mật và giải mật danh mục bí mật Nhà nước

Vào tháng 12 hàng năm, các đơn vị trong ngành Ngân hàng chủ động đề xuất với Thống đốc những thông tin đưa vào danh mục bí mật Nhà nước, thay đổi độ mật và giải mật danh mục bí mật Nhà nước trong Ngành. Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp trình Thống đốc gửi Bộ Công an và Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

**4. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 16.** Kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng.

1. Thủ trưởng đơn vị trong Ngành chịu trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi mình quản lý.

2. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 1, các đơn vị sau đây còn có trách nhiệm:

a) Vụ Tổng kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Quy chế này tại các đơn vị thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc;

b) Thanh tra Ngân hàng thanh tra việc tuân thủ Quy chế này tại các tổ chức tín dụng;

c) Văn phòng chịu trách nhiệm làm đầu mối tổng hợp và báo cáo chung toàn Ngành.

3. Việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng được tiến hành định kỳ ít nhất 2 năm một lần hoặc đột xuất khi cần thiết.

4. Quá trình kiểm tra và tự kiểm tra phải đánh giá được những ưu điểm, khuyết điểm, phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị những biện pháp khắc phục. Sau mỗi lần kiểm tra phải báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, sau đó gửi Bộ Công an để theo dõi”.

**5. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 17.** Chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng.

1. Báo cáo gồm 2 loại:

a) Báo cáo (đột xuất) những vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước xảy ra hoặc hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, gây phương hại đến an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước hoặc của ngành do Thủ trưởng đơn vị trong ngành (nơi phát sinh vụ việc) thực hiện hoặc thông qua thanh tra, kiểm tra.

b) Báo cáo toàn diện về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Ngành định kỳ mỗi năm một lần thực hiện vào tháng 1 của năm sau do các thủ trưởng đơn vị trong Ngành thực hiện hoặc Thủ trưởng đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra.

Báo cáo gửi về Văn phòng để tổng hợp báo cáo chung toàn Ngành.

2. Văn phòng chủ trì phối hợp với các

đơn vị liên quan hàng năm tổ chức sơ kết, 5 năm tổng kết một lần công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

**CHỈ THỊ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 04/2004/CT-NHNN ngày 01/4/2004 về việc tăng cường quản lý, giám sát nhằm đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn - hiệu quả - bền vững.**

*Trong thời gian qua, các tổ chức tín dụng đã có những giải pháp thiết thực trong việc nâng cao chất lượng tín dụng và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên trong hoạt động tín dụng còn tiềm ẩn rủi ro, có những biểu hiện trở lại*